

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Kết thúc ngày 30/09/2011

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC và sửa đổi, bổ sung
theo các văn bản liên quan

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý III/2011 VND	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý III/2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	74.353.741.273	82.391.816.607
2 Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(55.442.253.019)	(49.953.217.510)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.032.840.519)	(7.620.924.516)
4 Tiền chi trả lãi vay	04	(3.051.984.188)	(1.868.307.214)
5 Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(2.190.910.668)	(1.599.754.197)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.734.257.368	3.001.670.029
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(14.956.129.629)	(20.261.553.529)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.586.119.382)	4.089.729.670
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(11.448.185.186)	(10.801.738.952)
2 Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	752.202.500	328.400.000
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(15.397.500.000)	
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	808.024.010	29.675.436
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(25.285.458.676)	(10.443.663.516)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1 Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	38.441.475.000	
2 Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(411.843.530)	
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	26.619.371.830	22.521.630.908
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(30.099.351.345)	(21.886.708.072)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.521.537.812)	
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.490.751.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	26.537.363.143	634.922.836
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(2.334.214.915)	(5.719.011.010)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.466.285.484	8.253.121.586
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ			1.916.538
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.132.070.569	2.536.027.114

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thế Thắng
Quảng Nam, ngày 17 tháng 10 năm 2011

Lê Quang Lực

Nguyễn Xuân Lư